

**Thông Điệp SỐNG của Dòng TÂM THỨC VIỆT:
Tiếng Nói TÂM THỨC VIỆT: Ca Dao Tục Ngữ, Huyền Thoại, Truyền Thuyết...**

Thật ra thông điệp sống, tiếng nói tâm thức Việt diễn đạt qua nghệ thuật dân gian là thể hiện ý chí làm người trong dòng sống sinh động có nền giáo dục nhân bản tâm linh HỌC ĂN, HỌC NÓI, HỌC GÓI, HỌC MỔ theo dòng sinh mệnh của dân tộc Việt.

Cho nên khi chúng ta về nguồn tức là về với dòng sống VIỆT, chúng ta hãy hội nhập vào dòng sống sinh động đó bằng trọn vẹn cái tâm hồn DÂN TỘC là TÂM VIỆT và HỒN VIỆT để cảm nhận được những TINH HOA của Dân tộc và sống trọn vẹn là người dân VIỆT, không bị lai căng, mất gốc hay vong bản. Thấp sáng niềm tự hào dân tộc để sống cho xứng đáng là con cháu dòng giống TIÊN-RỒNG, góp mặt cái Tinh hoa của Tâm thức dân tộc vào nhu cầu Tâm thức của con người trong thời đại TIN HỌC ngày nay, đem TÌNH THƯƠNG của TÍNH NGƯỜI và TÌNH NGƯỜI xóa bỏ những biên giới ngăn cách lòng người, san bằng những dị biệt, phân chia đầy hận thù, mở ra những chân trời YÊU THƯƠNG bền lâu cho cuộc sống được mang đầy đủ những yếu tính của nó dưới ánh sáng mặt trời.

Trong thời kỳ của giữ nước và dựng nước của các đời LÝ, TRẦN ... ta hãy tạm hội nhập vào cái dòng tâm thức này ở đây hay bất cứ hoàn cảnh nào thích ứng tùy theo nhân sinh quan của mình để xác định được điểm đứng của mình trong lòng dân tộc, rồi từ đó bước vào ngưỡng cửa tâm linh Việt qua ca dao và tục ngữ:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô.
Vạn mộc xuân sinh thu hựu khô.
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phôi.*

Thiền sư VẠN HẠNH.

Đây ta hãy chiêm nghiệm một con người VIỆT dùng tiếng nói VIỆT diễn dịch tư tưởng VIỆT, vậy thì trước hết ta phải trở về với chính mình là một người VIỆT trần trụi, không mang chủ nghĩa, triết lý, tôn giáo, giáo điều ngoại lai: để thấy như thật thấy tức là thấy như vậy là y như vậy không hơn không kém. Với nền giáo dục nhân bản tâm linh với cảm nang dịch lý Việt “HỌC ĂN, HỌC NÓI, HỌC GÓI, HỌC MỔ”, mỗi con người là một pho dịch lý sống, người ta đã nhìn ra trong cuộc sống vạn vật biến đổi không ngừng nghỉ, nên chỉ mở rộng cõi lòng của con người hòa cái hư vô của vũ trụ để mọi vật tự nó đến rồi đi không một vương bận. Chính nét độc đáo này là mở được cánh cửa thiên nhiên chuyên dịch THIÊN THU VÔ NGÔN của trời đất (THIÊN NHIÊN) vào dòng sống sinh động của mình nên người VIỆT đã lấy được cái hữu hạn của kiếp nhân sinh hòa vào cái vô hạn của vạn hữu làm thành cái kinh nghiệm sống của Ý CHÍ trường tồn cho dân tộc.

Vì người VIỆT sống và cảm nhận ngay trên dòng sống bằng chính tâm hồn của mình, lồng nó vào những truyền thuyết huyền thoại, ca dao tục ngữ...theo sự sinh động của mọi sự biến dịch, đây cũng là nét độc đáo độc nhất vô nhị tự cổ chí kim sống một cách AN NHIÊN TỰ TẠI, tạo nguồn cảm hứng cho cuộc sống để làm tiến hóa và thăng hoa cuộc sống, hòa đồng được con

người và vũ trụ TRỜI-NGƯỜI-ĐẤT là một (qua bài thơ của nhà cách mạng Trần cao Vân, sẽ đề cập ở một phần khác.)

Cũng như vậy chúng ta chiêm nghiệm qua một trong những con người và tư tưởng tiêu biểu trong nền Tâm thức Việt qua bài thơ sau đây:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xôn hề khốn tất miên.
Gia trung hữu bảo hựu tâm mịch,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Vua TRẦN NHÂN TÔN

Hãy hội nhập vào dòng sống ngay thời điểm đó để thấy được sức mạnh và nét cao cả của một dân tộc tự nhiên là dường nào. Bài thơ diễn dịch đầy đủ ý nguyện mong muốn của loài người là khát vọng TỰ DO, không bị ràng buộc kềm chế bởi những triết lý, tư tưởng hẹp hòi của những nếp sống, thời đại hỗn mang, cuộc sống mất hết nguồn cảm hứng và sinh lực sống con người tìm cách trói buộc nhau hay tự nguyện tuân theo những khuôn thước chết đứng, khô cứng tự ngàn năm trong những suy nghĩ hay nếp sống bắt chước nhau lập đi lập lại chông chênh tội cá theo thời gian theo những Kinh và Điển của thế GIAN. Quan niệm sống tự do kết tụ ngàn năm trong dòng sống sinh động VIỆT thành ý chí con người là nguồn gốc của tư tưởng TỰ DO và BÌNH ĐẲNG, vì con người sanh ra là được quyền sống theo sự phát triển tự nhiên của tính người và tình người, được sống thuận lý theo thiên nhiên đói ăn, khát uống, mệt nghỉ liền trong sự tỉnh thức và có trách nhiệm bảo vệ sự thiêng liêng của sự sống một cách trân quý. Vua Trần nhân Tôn đã để lại bài hịch về NHÂN QUYỀN cho con người, để lại một khát vọng TỰ DO và BÌNH ĐẲNG cho con người, để lại một ý chí ĐỘC LẬP và TỰ CHỦ cho một dân tộc vì thế đoàn vó ngựa bách chiến bách thắng của Thành Cát Tư Hãn từng chinh phục thế giới vào thế kỷ 13 đã bị 3 lần dẫm nát dưới gót chân người VIỆT trên đất liền và trên mặt nước; thời kỳ này chưa phát triển chiến tranh trên không trung.

Muốn được như vậy vua Trần Nhân Tôn đã muôn đời nhắc nhở con cháu:

Gia trung hữu bảo,

tức là hãy tìm về cội nguồn dân tộc, với TÂM VIỆT và HỒN VIỆT mở cánh cửa THIÊN NHIÊN, chuyển dịch THIÊN THƯ VÔ NGÔN của trời đất vào dòng sống sinh động, để tiến hóa và thăng hoa cuộc sống, để con người hòa đồng cùng vũ trụ, hãy hội nhập và sống với dòng Tâm thức sinh động của dân tộc, như thế mới là đáng sống.

HỮU TÂM MỊCH.

rõ ràng đừng đánh mất dân tộc, đừng tìm kiếm ngoài dòng Tâm thức nhân bản tâm linh của “HỌC ĂN, HỌC NÓI, HỌC GÓI, HỌC MỞ” với đầy đủ tinh thần NHÂN BẢN, NHÂN CHỦ, TRÍ TUỆ và TÌNH THƯƠNG.

Đã sống thực với tâm lòng trải dài theo vạn hữu một cách an nhiên tự tại, lòng con người và cõi hư vô là một, đem TÌNH THƯƠNG của Thiên Nhiên vào cuộc sống một cách bất tận thì hà cứ phải quàng chân vướng mắc vào chủ thuyết, chủ nghĩa, thần quyền, thế quyền ngoại lai làm gì vì người ta còn đi thuyết phục, còn tìm kiếm khái niệm về TÌNH THƯƠNG, còn chúng ta trong cuộc sống sinh động đã thể nghiệm thành những hiện thực của dòng sống rồi. Và chẳng còn có những ai chối bỏ DÂN TỘC, ẩn mình dưới những tầng lộng ngoại lai thì dù dưới hình thức nào cũng chỉ là bọn PHẢN DÂN HẠI NƯỚC, tức là TỘI ĐỒ của dân tộc mà thôi.

Một lần nữa vua Trần Nhân Tôn nhắc nhở con dân Việt hãy luôn rộng mở cõi lòng theo từng biên dịch của dòng sống chuyển tải TÌNH THƯƠNG tưới tắm cho dòng đời bằng chính con người đích thực ngay ở hiện tiền, tình thương của Ngài dành cho con người trong sáng vô ngần vượt cả các chiều kích không gian và thời gian, tức là một thông điệp SỐNG, một bài học làm người biết tự quay về với chính mình để bảo tồn và phát huy bản sắc của dân tộc.

Đối cảnh VÔ tâm mạc vấn thiên.

Luân lưu trong dòng Tâm thức dân tộc những cảm hứng của chuyển dịch Thiên Thu Vô Ngôn vào dòng sống sinh động đi thẳng vào lòng người bằng các nghệ thuật dân gian lưu truyền theo dòng sống trở thành gia tài của ME VIỆT NAM mà mỗi con người đều cảm nhận được sự hiện hữu thiêng liêng trong tâm hồn trong sáng của mình để với nỗi niềm hoài vọng đã trở thành lòng yêu nước thương nòi của những con dân chân chính. Tình thương của tiền nhân trải dài theo từng bước chân của con cháu, từng nhắc nhở, từng dạy bảo. Vấn đề ở đây là chúng ta có đủ sáng suốt để tiếp nhận và làm trong sáng được dòng tâm thức này hay không mà thôi vì dòng tâm thức chính là ta và ta cũng chính là dòng tâm thức, danh dự làm người VIỆT chúng ta có trách nhiệm và bổn phận với tổ quốc là trên hết, không nên hờ hững với những giá trị tâm linh của nó. Giá trị của nền nhân bản tâm linh này không trụ vào thấp cao, vẻ hào nhoáng của khuôn vàng thước ngọc mà nó chỉ thẳng vào thực tiễn của dòng đời, nghe qua dễ nhớ, kích thích được lòng người, nét độc đáo của nó là thích hợp cho mọi người, tùy theo sự cảm nhận của từng người không có sự gượng ép hay bắt buộc vì nó mang tính cách tự nhiên. Sau đây với những duyên hợp thích ứng, xin thưởng thức những bình dân mộc mạc của quốc hồn quốc túy chúng ta.

BÀI THƠ CON CÓC

*Con cóc trong hang,
Con cóc nhảy ra,
Con cóc nhảy ra,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc nhảy đi.*

Câu chuyện rất là dân gian vì được nhiều người biết trải qua một thời gian dài tức là vượt không gian và thời gian, sống thọ với quần chúng dưới dạng câu chuyện vui. Người ta kể cho nhau nghe câu chuyện của 3 anh nhà quê thấy Nho gia, người phố thị thi phú chữ nghĩa đầy mình, một bữa nọ ngồi nhậu với nhau, ngẫu hứng mỗi anh góp 1 câu làm thành bài thơ là bài thơ con cóc. Câu chuyện nhìn tron nó là như vậy, nhưng trong câu chuyện gồm 2 loại người mà

người nhà quê là một hay nói cách khác là có sự phân biệt giữa người có TRÍ thức và người có TRI thức.

Người có trí thức là người đi vay mượn sự hiểu biết bên ngoài để làm của mình có khi chưa chắc họ có đủ chiều sâu tâm hồn để sống thực với nó, hay đánh mất sự trong sáng tự nhiên của mình để cố gắng “sống cho giống” một mô hình nào đó. Còn người TRI thức là người sống thực với chính cái thể nghiệm sáng tạo của mình cho thích nghi với hoàn cảnh, nên luôn luôn họ biết tự xoay vào chính mình, biết nhận chân hiện tiền, thể hiện được ý chí làm người không dựa dẫm vào những vay mượn thương vay khóc mượn bên ngoài.

Trở về câu chuyện của người TRI thức này họ học trong môi trường tự nhiên, người thầy của họ là các biến dịch không ngừng nghỉ (THIÊN NHIÊN), họ diễn dịch được quá khứ, hiện tại, tương lai của cái lý vô thường: trước khi con cóc nhảy ra trong hang đã có con cóc rồi, hiện tiền là con cóc ngồi đó, tương lai là con cóc nhảy đi; vậy trước khi con cóc nhảy ra và sau khi con cóc nhảy đi, hiện trường vẫn tự nhiên không có gì thay đổi chẳng thấy đến chẳng thấy đi, cũng như lòng người khi vui khi buồn, lúc lo lúc nghĩ, giận, hờn, buồn tủi... chỉ trong khoảnh khắc tình cảm biến đổi miên man không ngừng nghỉ, bằng hình ảnh con cóc lúc nó được làm cậu ông trời, lúc nó được ví thú như cóc chết,...hay qua chuyện trê cóc: cóc đẻ trứng, nở ra nòng nọc cá trê dành là con của mình, anh cóc im lặng chừng nòng nọc rụng đuôi cóc về với cóc, thứ nào ra thứ ấy, chỉ con cóc mà nó được luân hồi như thế kiếp nào cũng thấy nó, có lẽ mọi chuyện trên đời rồi cũng vậy; họ không mang theo kinh điển, khoa bảng để giảng giải, tron tru thấy như vậy là như vậy thôi. Diễn dịch được cái LÝ và cái DỤNG của biến dịch trong chỉ 3 câu thơ bằng hình ảnh người nhà quê và con cóc là sự tóm lược của một trí khôn tuyệt vời không có gì so sánh kịp.

Nếu bài thơ chỉ hiểu có vậy thì phải tội nghiệp cho bài thơ không? Còn nhiều lắm, với bài học làm người nó dạy rằng con người ai cũng được ban phát đồng đều sự trong sáng ngoại trừ những ngoại lệ, nó dạy người ta biết mạnh dạn trong cuộc sống, có làm có biết, có biết có sống, như vậy là rèn luyện sự kiên cường của lòng người. Lấy trường đời làm trường học luôn luôn nhắc nhở nhau, diu dắt nhau ngay trong hiện tiền của dòng cuộc sống, truyền thẳng từ lòng người qua lòng người như những thông điệp sống, nên rèn luyện cho con người một ý chí tự giác cao độ, tập trung được sức mạnh của dân tộc khi cần thiết có thể tự khai mở những sinh lộ cho thích ứng với môi trường sống (sẽ khai triển vào một dịp khác).

THĂNG BỜM.

*Thăng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi sáu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim,
Phú ông xin đổi năm xô Bờm cười.*

Đại để bài thơ có thể thay đổi chút ít theo không gian và thời gian, cách diễn dịch bài thơ Thăng Bờm được nở bằng những ngôn từ dao to búa lớn cũng không ít, bằng những dẫn dụ hoa hòe hoa sởi của những bộ óc chuyên môn vay mượn, tán hươu tán vượn cho đầy chữ nghĩa cũng bạt ngàn. Chúng ta hãy hội nhập vào dòng tâm thức Việt bằng sự nhạy cảm của lòng người để rút ra những ý nghĩa sống động cho cuộc sống.

Bài thơ bắt đầu bằng hình ảnh cái quạt mo, rồi lại chấm dứt ở chỗ nắm xôi và nụ cười. Giản dị quá, đối tác của hai nhân vật là sự trao đổi thể thơ. Nhưng nó lại gói ghém cả một nhân sinh quan của cuộc sống bao quanh hai vấn đề ĂN là nắm xôi, Ở là cái quạt.

Ăn thì:

*Ăn theo thờ, ở theo thời.
Ăn chắc mặc bền.
Ăn để sống chứ không sống để ăn.
Ăn coi nòi ngòi coi hướng. v...v...*

Ca dao&tục ngữ

Ở:

*Nhà sạch thì mát,
Bát sạch ngon cơm.
Ở bầu thì tròn.
Ở ống thì dài
Ở rộng người cười.
Ở hẹp người chê. v...v...*

Ca dao&tục ngữ

Sẽ đi vào chi tiết qua đề tài Người Việt: con người và tư tưởng trong nền Tâm thức Việt. Cho dù có phương tiện như phú ông tiền rừng bạc biển đi nữa, hay Thăng Bờm có cái quạt mo thì nhu cầu sống cũng chỉ là ăn, ở được thoải mái, hợp lòng người. Thử so sánh ta thấy phú ông còn chạy theo cảnh vật bên ngoài, còn đời thứ này thứ nọ, chưa thấy được mình; Thăng Bờm biết tự quay về với chính mình bằng nụ cười, thì nụ cười thăng Bờm là của hiện tiền cuộc sống của cuộc sống thuận lý theo thiên nhiên (nếu không thì không có chuyện Thăng Bờm) trong an nhiên tự tại, còn nụ cười của Ca Diếp là nụ cười của Tăng đoàn, của công việc hệ thống hóa triết lý sống, của một đường lối thuyết phục nhằm giúp đỡ gỡ rối những gút mắt, bế tắc của cuộc sống đương thời.

Qua bài thơ Thăng Bờm nó còn toát ra một nghệ thuật sống vì trong ta luôn có hai đối cực: xấu tốt, khen chê, đủ thiếu tức là còn mang nặng định kiến phân biệt, vì ta có thể là phú ông cũng có thể là Thăng Bờm; nhưng thật ra cái ta bao gồm cả hai nhân vật đó khi thuận tình thì nó phát khởi mà thôi. Chính nhờ nền giáo dục nhân bản tâm linh “HỌC ĂN, HỌC NÓI, HỌC GÓI, HỌC MỞ” Thăng Bờm trong tâm thức chúng ta nó trở nên người dân chơn chất, với đầy đủ ý nghĩa cần có của một con người của Tính Người và Tình Người. Thăng Bờm cũng chính là hình ảnh gặp gỡ của dân tộc và con người. Nhìn qua nắm xôi ta còn thấy được những yêu tính độc đáo của nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước nơi đó đã chuyển dịch Thiên Thư vào đời sống, thuần

hóa các giống lúa, phát triển canh tác cây lúa để đem lại lương thực chính cho con người. Quan sát chu kỳ phát triển của cây lúa, người ta nhận thức ngay nơi hiện tiền Thiên Nhiên tàng chứa sẵn nguồn tình thương và mạch sống, với trùng trùng duyên hợp, vạn vật chuyển biến từng tích tắc của cuộc sống, khi sự cảm thụ và cảm nhận của con người với cõi lòng trong sáng, hòa mình hội nhập vào cõi sống, con người đã quan sát bằng con tim và khối óc của mình để mở rộng thiên nhiên, tạo nên những cảm hứng cho cuộc sống.

Từ cái hạt, cái mầm, thành cây thành lá, thành hoa, thành trái..., chu kỳ sinh diệt theo mùa theo tiết, mỗi loài vật hòa mình vào dòng sống với cái huyền diệu của mình, tức là cái bản năng bẩm sinh của nó. Con ong có quy trình tiến hóa của con ong, con cá, con vật... sanh ra đã là như vậy, không ai dạy nó cách yêu thương. Môi trường thiên nhiên mỗi nơi mỗi lúc có khác, con vật vẫn có sự thích nghi; mà con người chăm chú vào đó, nương vào đó, nhận biết cái hiện tiền, qua tính người và tình người (tính nhân bản) ghi nhận các biến hóa, thay đổi, khác biệt để nhận chân sự vật. Tổ tiên người VIỆT đã trải dài cõi lòng theo trời đất, chuyên dịch Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) vào đời sống, vận dụng sự hiểu biết của LÝ (cái bất biến của vạn biến) tức cái THỂ tạo ra nền Tâm Thức dân tộc qua “học ăn, học nói, học gói, học mở”, mở ra nền tâm học dân tộc, lấy thiên nhiên làm trường học, lấy rung cảm, cảm nhận của con người làm thước đo. Nên các dân tộc nói chung; với sắc thái riêng của mình, họ có cái LÝ, DỊCH theo các sắc thái đó, riêng dân tộc VIỆT NAM qua lý tắc TIÊN(-), RỘNG(+), sớm nhận biết các nguyên lý âm dương, đã đưa cái dụng của nó vào đời sống (nông nghiệp) và chuyển tải qua huyền thoại, ruyền thuyết, ca dao và tục ngữ, làm thành các thông điệp sống, đi thẳng vào lòng người. Nên người Việt có là có cái dòng sống và dòng tâm thức sinh động, tức là sống thuận lý theo thiên nhiên, sống thực với hiện tiền, do đó mỗi người Việt đã là một pho dịch lý sống: SỐNG_LÀM_BIẾT; BIẾT_LÀM_SỐNG với trăm hay xoay vào lòng. Chính lịch sử của dòng sống nhân ái Việt đã tô điểm những nét son cho cuộc sống qua tính người và tình người.

Thương người như thể thương thân.

Ca dao&tục ngữ.

Người Việt trong quá trình dựng và giữ nước mình vận dụng được sự thuận lý theo thiên nhiên, mỗi thời đại, mỗi anh hùng dân tộc đã viết nên những thiên hùng ca độc đáo của mình và ngưng đọng lại thành hồn thiêng sông núi. Nói tiếp nhau phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước, mà nơi lòng người với nỗi niềm hoài cảm luôn chuyển thành lòng yêu nước thương nòi dạt dào trong sáng.

Cũng nơi cái quạt mo (mo cau), hình ảnh cây cau được diễn tả trong sự tích trầu cau. Nói lên thứ nhất là lễ nghĩa thường ngày của đời sống.

Miếng trầu là đầu câu chuyện.

Ca dao&tục ngữ.

Thứ hai chỉ rõ sự nhận thức trong sáng nơi con người, thiếu nó từ có sẽ trở thành không, không tri giác như gò đá vôi, hay cây cau và dây trầu. Trầu, cau đã trở thành biểu tượng nhân ái

qua mâm trầu, khai rượu trong các lễ hôn phối... góp phần vào tiến trình làm cuộc sống tiến hóa, thăng hoa và hòa đồng.

Nơi ăn chốn ở của Bờm mà không nói tới đời sống nông thôn cũng là còn thiếu với sự sáng tạo nơi lũy tre xanh. Sự tuyệt diệu của hòa hợp thiên nhiên vào cuộc sống bằng sự cần cù, sáng tạo của con người Việt là nắm được nguyên lý âm, dương, tuần hoàn của vũ trụ, thể nghiệm ngay trên cuộc sống. Diễn dịch sống động Thiên Thư Vô Ngôn (Thiên Nhiên) qua ứng dụng của “cây tre”. Tre thường mọc và phát triển thành bụi (nếp sống hợp quần).

*Tre tàn măng mọc.
Trẻ khôn qua nhờ già nhắc lại.*

Ca dao & tục ngữ.

Tre rõ nét của tạo hình âm, dương, vòng tròn thân tre là(+), long tre dài là âm(-); ta có bánh chưng, bánh tét, tình lý vuông tròn, vận dụng được cái bên ngoài thân tre và bên trong tức phần trống không. Hay nói cách khác chuyển hóa từ cứng sang mềm (lạt tre), từ không đến có (vật dụng thường ngày), phối hợp vừa cứng vừa mềm (chông, chở, buộc, cột).

Cây tự nó đã nói đến cái thể cứng chắc, cây tre ngoài việc dùng để chông, đỡ..., lạt cứng hóa mềm, tách thân tre ra từng phần nhỏ, có thể dùng làm đũa, nạng, lạt...; để cột, buộc hay bó.

Lạt mềm buộc chặt.

Ca dao & tục ngữ.

Đang khô cứng, nhúng nước cho thấm nước sẽ trở lại mềm dẻo, cứng mềm qua lại; phối hợp đan, lợp giữa cứng và mềm. Có và không, tùy công dụng mà có: thúng, rổ, rá, giỏ, sọt, nôm, đó... ngay cả thuyền thúng lá ự hoàn mỹ của cái dụng bên cái lý, hai phần lý và dụng coi như không còn biên giới phân biệt. Tất cả như vậy là như vậy, đó là hiện thức của đời sống, mà mỗi con người là một pho dịch lý sống, luôn tiến hóa, thăng hoa và hòa đồng.

Tất cả những vận dụng tinh hoa này kết thành nguồn nội lực dân tộc, không của riêng ai, không vì ai; đã hun đúc nên tinh thần có việc thì đến hết việc thì đi, qua câu chuyện Phù Đổng Thiên Vương.

Qua các anh hùng, các triều đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn... và còn ai nữa. Ta đã tự hào với nền minh triết Việt với các yếu tính của nước, đã sản sinh ra- Lý thường Kiệt.

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư.*

Hiến pháp tuyệt vời kết hợp thiên nhiên và con người diễn dịch và gói ghém cả cần khôn, vũ trụ.

Trần Hưng Đạo:

*Đại phá quân Nguyên với
Hội nghị Diên Hồng “lòng người”*

Nguyễn Trãi:

BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO.

*Lấy nhu thắng cương, lấy nhược thắng cường.
Lấy chí nhân thay cuồng bạo.
Lấy đại nghĩa thắng hung tàn.*

Nguyễn Huệ:

Vận dụng và kết hợp yếu tố thần tốc và sự bất ngờ với nghệ thuật quân sự tuyệt vời với chiến thắng ĐÔNG ĐÀ...

Lửa hồng Nhật tảo...

Đề với một Trần Cao Vân:

Trời đất sinh ta có ý không?

thể hiện được cái ung dung tự tại, thể hiện được bản sắc dân tộc.

Câu chuyện Thăng Bờm được chấm dứt bằng “nụ cười” thật là duyên dáng, khi đó tự mình quay về với chính mình để hội nhập vào dòng sống, thì là sự gặp gỡ giữa con người và dân tộc luôn ngời sáng là ở chỗ Trăm hay xoay vào lòng (ca dao & tục ngữ).

Tuy mỗi bài ca dao tục ngữ mang những nét độc đáo của riêng nó, nhưng trong dòng tâm thức nó luôn tương quan và hỗ trợ cho nhau không có tính cách biệt lập với nhau, vì vậy ta lại gặp hình ảnh Thăng Bờm trong bài thơ:

*Người ta đi cấy lấy công,
Tôi đây đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất trông mây,
Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm,
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời yên biển lặng mới yên tâm lòng.*

Nói lên sự nhạy cảm của tinh thức trong lòng người, dựa vào sức mình là chính để tạo sự hài hòa trong cuộc sống với đầy đủ ý chí và nghị lực để vượt qua được các gian lao và thử thách của nghịch cảnh.... Cái nghệ thuật sống ở đây là con người biết lấy cõi lòng trải dài theo cuộc sống, qua nền giáo dục nhân bản tâm linh với Tâm Thức Việt, con người đã tự mở ra chân trời

khai phóng, về tận cội nguồn của Thiên Nhiên mở rộng cõi lòng đến tha nhân, mình vì mọi người, thể hiện được tình nhân loại của dân tộc Việt:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

Tình người trong nếp sống Việt, chỉ là cách gọi khác của tình thương mà thôi, vì cuộc sống khởi đi từ người mẹ, người mẹ VIỆT NAM trong thời kỳ thai giáo đã cảm nhận và chuyển tải TÌNH THƯƠNG của thiên nhiên vào đứa con với tất cả tấm lòng của người làm mẹ. Đứa con được cấy trồng hạt giống tình thương trong thời thai giáo, lớn lên tùy theo điều kiện phát triển và môi trường sống tùy theo căn duyên để trở thành thuận hay nghịch tức là tốt hay xấu, mọi biến dịch tương tác không ngoài cảm nang dịch lý “HỌC ĂN, HỌC NÓI, HỌC GÓI, HỌC MỞ”

*MÁ OI ĐỪNG ĐÁNH CON ĐAU,
ĐỂ CON BẮT ỐC HÁI RAU MÁ NHỜ.*

Trong kho tàng ca dao, tục ngữ của nền Tâm Thức Việt qua sự linh động của cảm hứng, hoàn cảnh, ứng biến trong môi trường sống được truyền vào lòng người như những thông điệp sống động thích hợp, thích nghi, thích ứng ghi vào nguồn sống qua sự tiếp xúc của ánh mắt, nụ cười, cử chỉ của từng cá thể của tiến trình tiến hóa thăng hoa và hòa đồng theo dòng sống sinh động, làm phong phú hóa cũng từ lòng người từ thuở sơ sanh cho đến lúc bạc đầu đã tạo thành nền giáo dục nhân bản tâm linh Việt thấm đượm tình thương của tính người và tình người, luân lưu trong tâm thức như máu tuần hoàn trong châu thân.

Bản sắc dân tộc phát huy và trường tồn theo công cuộc dựng nước và giữ nước của ngàn năm lịch sử, người Việt đã cảm nhận được LÝ BIẾN DỊCH trong trời đất nên nhìn được cái LỄ(Dụng) vô thường trong cuộc sống khi đang sống họ cũng đã chuẩn bị cho cái chết một cách thường tình như ngủ và thức (hay nói một cách khác như ăn và ngủ), sống trong an lành người ta nghỉ đến lúc nguy khốn nên người Việt có câu THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THỂ THƯƠNG THÂN trong nếp sống nhân ái đầy tình người, người Việt đã vượt qua các đỗi đãi, ngăn cách, những cứu cánh của các khuôn mẫu tư tưởng của gà què ăn quẩn cối xay, kiên bò miệng chén, các ốc đảo tôn giáo, lý thuyết suông để xóa bỏ biên giới ngăn cách lòng người sống thực sống một cách tự nhiên với cõi lòng luôn rộng mở THẤY NGƯỜI ĐÓI KHÁT THÌ NHƯỜNG MIÈNG ĂN như một đóa hoa thơm của cõi lòng nở là nở chứ không nở vì một cung cách hay điều kiện có hậu ý tiềm chứa nào cả vì con người được sanh ra và sống thuận lý theo thiên nhiên nên bản tánh tự nhiên của con người là sẵn có; hay lúc cùng lúc khó cũng biết tìm cách hóa giải để vượt lên qua tinh thần KHÔN CÙNG CHẾT ĐẠI CÙNG CHẾT CHỈ CÓ BIẾT MỚI SỐNG MÀ THÔI; ở hai mặt của vấn đề:

- NGUYÊN LÝ sống tức là cảm nhận và chuyển dịch THIÊN THU VÔ NGÔN CỦA TRỜI ĐẤT (Thiên Nhiên) vào dòng sống sinh động.
- THỂ DỤNG của cuộc sống là sống thuận lý theo thiên nhiên để thể hiện cuộc sống được gọi là ĐẠO SỐNG VIỆT, chứ thật sự sống là sống với hiện tiền vì dòng sống sinh động không bao giờ ngừng nghỉ hay níu kéo được để mà đặt tên gọi cho nó được.

Trong nếp sống nhân bản qua quá trình giáo dục tâm linh phát triển theo truyền thống tình thương và trí tuệ không đặt nặng trên hình phạt của người Việt bắt nguồn từ người mẹ, vì người mẹ Việt được thiên phú cho Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất cấy trồng hạt giống tình thương vào con trẻ trong thời thai giáo và tạo điều kiện cho hạt giống tình thương nảy nở khi đưa con vào đời. Khởi đi từ cội nguồn của lý vô thường, con người luôn biết sống thích ứng với từng chuyển biến, sống tiếp cận với thiên nhiên con người vô cùng yếu đuối về thể lực, hòa mình hội nhập vào dòng sông phải đứng cho được trên đôi chân của chính mình tức là nuôi dưỡng tinh thần tự lập, có thương tức là có lo tức là lo cho tròn, lòng của người mẹ là suối nguồn thiên nhiên vô tận tưới tắm cho dòng đời nên chỉ dầu tuổi đời con có chồng chất bao nhiêu nhưng đối với mẹ con vẫn luôn là trẻ thơ của mẹ. Ngủ qua đêm tới sáng thức dậy thấy được ánh sáng mặt trời mới biết mình còn sống, qua một ngày với biết bao điều lành, dữ chợt đến chợt đi, con người dừng bước đi trên sợi chỉ vô hình vô cùng mong manh vì khởi đầu con người theo tự nhiên không biết được lúc mình được sanh ra kể cả lúc mình lìa đời. Con trẻ là hình ảnh của mẹ cha thuở trước, có gì bảo đảm được sự ngăn cách của thường và vô thường để lột da sống đời đầu, cho nên thường tình cha mẹ mong muốn cho con sớm nên người tức là có thể tự lo liệu cho bản thân, hơn là lo để dành cho con một đồng của.

Hãy đánh đổ mô hình của chủ nghĩa đề đi vào được cõi lòng của con người để sống thực với cái lý vô thường qua hai câu thơ trên, và cũng là một trong những bài giáo dục tâm linh Việt, khi mới nghe hay chưa hội nhập được vào dòng tâm linh Việt thì hiểu theo từ ngữ chủ nghĩa nên đôi khi có những cái nghi hời hợt của nó, đây là một bài học vỡ lòng làm người SỐNG-LÀM-BIỆT; BIẾT-LÀM-SỐNG của cách nói như bòn cọt, vô tình muốn hiểu sao cũng được không bó buộc cột chặt, nhưng sự việc là thật, con người là thật, trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần trải qua, ở đây chúng ta hãy thử nghiệm nơi cuộc sống của người nông thôn Việt, họ đã nương theo và dụng được lý vô thường ngay trên dòng đời. Đi tìm cầu mưu sinh bằng chính đôi tay và khối óc của mình, người nông thôn trải nghiệm và nhạy cảm với thực tại qua từng thay đổi của môi trường sống chung quanh. Có khó mới có miếng ăn; mọi hiểm nguy luôn rình rập, trượt chân, sẩy tay, té ngã rồi thú dữ, rắn rết, muỗi mòng, bệnh tật v...v... cảnh nghèo khổ thường khi phải lấy thân che của chó không là lấy được của che thân, dù nghị lực có kiên cường nhưng đôi lúc họ cũng đành bó tay trước bệnh tật, hiểm nghèo và nghịch cảnh. Người mẹ nông thôn với sức chịu đựng và hy sinh vô bờ bến cho chồng cho con, thường khi nhịn miệng nuôi con, bên chiếu ướt mẹ nằm bên khô con ngủ, quơ quào tàn tảo một nắng hai sương, dầm mưa dãi nắng họ sống, sờ mó được, hít thở được cái vô thường, thấy như vậy là y như vậy trọn vẹn, trung thực, mỗi bước đi là một trải dài của cõi lòng theo dòng đời. Tất cả yêu thương đùm bọc đó người mẹ với kinh nghiệm sống của mình đem ra đào luyện, giáo dục người con để con mình đứng vững được trên đôi chân hầu tạo cho con mình tính tự tin và tự chủ với tinh thần khai phóng tự mở ra con đường sống sau này, có khôn họ dạy con mình khôn, có dại họ dạy con mình dại tức là sức người có bao nhiêu thì tận dụng bấy nhiêu, họ không đánh mất hiện tiền của cuộc sống.

Nên từ phía người mẹ nhìn về người con hay ngược lại đã tạo ra được mối tương đồng trong giao cảm một cách thiêng liêng, trong tâm hồn trong sáng, nỗi niềm này luôn được khơi dậy trong dòng sông sinh động rất phổ cập, trong tâm tư không hạn định tuổi tác vượt thời gian một cách tự nhiên, khi trẻ thơ biết nhận chân được hiện tiền (má ơi, đừng đánh con đâu, để con bắt ốc hái rau má nhờ). Nói lên được sự bộc phát của một tâm hồn hồn nhiên, một ý thức thực

tiên của cuộc sống, sự trở về với chính mình với đầy đủ tình thương và trí tuệ tự thấp đước mà đi, một tấm lòng can cường trong sáng. Với con trẻ trong cái giận có cái thương, chia sẻ tận cõi lòng, từ cục máu của mẹ sấn ra, cuộc sống đưa muối mặn nồng tình nghĩa, họ dùng cảm nhận tình cảm tự nhiên để sống quây quần đùm bọc nhau, họ nhạy cảm với từng ý nghĩa của lời nói, ánh mắt nụ cười, thí dụ với lời nói âm vận qua cửa miệng có thể chuyển tải được vui, buồn hờn, giận, nặng, nhẹ... cho nên “đánh” ở đây là cách nói nặng lời có thể gây bối rối; “nhờ” ở đây không phải là sống nương vào con trẻ mà nó nói lên được cảnh huống chín chắn của một tâm hồn nhờ vậy Má không còn nặng hơi, mỗi cổ dạy bảo, lo lắng, ưu phiền gì cả. Gom góp lại tất cả ý nghĩa của câu nói trên không ngoài “tình thương” của mẹ đối với con và của con đối với mẹ hiền. Người nông thôn chúng tôi sống thực là như vậy trọn vẹn nguyên con là y như vậy không dong dài kiến chấp chữ nghĩa, nó đi vào lòng người, sống trong lòng người và luân lưu theo dòng sống, qua tiếng hát điệu ru, qua nghệ thuật dân gian làm phương tiện chuyển tải để mọi người cùng nghe và đồng cảm.

Cũng dễ diễn tả “tình thương” mẹ con một cách linh động tùy người, tùy cảnh, tùy thời... ta có một trường hợp gợi cảm tâm tư vào một điển hình khác như:

*MÁ OI ĐỪNG ĐÁNH CON ĐAU,
ĐỂ CON HÁT BỘ LÀM ĐÀO MÁ COI.*

Thiên nhiên muôn vẻ, dòng đời muôn mặt, tất bật ngược xuôi không ngoài lý lẽ sinh tồn, sống với cuộc sống nhiều lúc không tự nhìn được mình, chỉ bắt gặp được mình qua hình ảnh con cháu mà thôi. Nước mắt chảy xuôi hay vì; cây có cội nước có nguồn; cây có gốc to rễ có chắc thì cành lá mới xum xuê, dòng nước tươi mát trong lành còn tùy theo nguồn nước. Ngược dòng thời gian với những cảm nhận và quan sát một cách thuận tình thuận lý người xưa đã để lại những giá trị ngàn đời, những tiêu chuẩn nhận chân sự vật của hiện tiền với cõi lòng trong sáng, tạo dựng những cảm hứng sống bất tận cho dòng đời. Họ bắt đầu từ nhu cầu sống của con người trên dòng sống sinh động bằng chính con người, bằng chính sự sống thuận lý của con người trong thiên nhiên, họ không được thừa hưởng, không được ban phát những đặc ân hay ân huệ từ một Đấng siêu nhiên, siêu việt nào cả. Họ là con người được sanh ra từ con người, họ huân tập theo con người, tạo dựng và sáng tạo của cải vật chất và tinh thần để phục vụ cho con người, để tiến hóa và thăng hoa cuộc sống, để tạo sự hòa đồng giữa con người và con người, giữa con người và thiên nhiên. Họ tạo điều kiện để con người nhận chân được cội nguồn của mình, là cội nguồn của sự sống, mở cánh cửa thiên nhiên, họ mở rộng cánh cửa thiên nhiên bằng chính cõi lòng của mình nên chi cõi lòng hay sự hiểu biết của con người tới đâu thì đất trời bao la đến đó, con người sinh ra cùng một cội nguồn nên tư tưởng, ý nghĩ bình đẳng cũng được sinh ra; nhân loại có nhiều chủng tộc nhưng loài người chỉ có một, vì có cùng một cội nguồn, một loài người, nên cùng về với cội nguồn nơi đó suối nguồn bất tận của tình thương cũng không đâu ngoài con người.... Đến đây chúng ta hãy tỉnh táo, quay về với chính mình để thấy HỌ đó là con người thật của cuộc sống thật, con người của thiên nhiên và tự nhiên.

Dù ở phương trời góc biển nào lòng người vẫn luôn cầu tiến để tạo những thích nghi cho cuộc sống, lưu lại những giá trị về lâu về dài cho kẻ đến sau... thường thì trong cách sống bình thường, cách suy nghĩ bình thường sẽ tạo được những cái phi thường, chớ ít khi thấy trường hợp phi thường sanh ra được phi thường nói khác đi nó sẽ tạo ra sự bất thường, nếu không thì tự nó sẽ không còn là phi thường. Trở lại cảnh đời mịch mịch, cuộc sống muối dưa, thì có còn gì được

gọi là giản tiện hơn nữa đâu, từ đó con người tự phấn đấu mở rộng suy tư và thao tác để mở rộng tầm mắt, mở rộng sự thăng tiến. Trong khung cảnh nào đó người ta muốn bỏ đi cái hạn hẹp, cái nghèo khó trong niềm hy vọng nơi con cháu mình khi có điều kiện dù là chỉ trong ước mơ. Người dân nông thôn họ cũng biết thương thức sự vén khéo, dịu dàng. Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà mới cho vừa lòng nhau hay một cách hòa đồng hơn. Chim khôn hót tiếng líu lo, người khôn ăn nói dịu dàng để nghe. Khi làm việc thì ra làm việc, dứt khoát, rành mạch; can cường, hiên ngang, chính trực; tất cả được thể hiện ra dòng đời. Thì chính con người tự biên tự diễn tấn tuồng cho cuộc đời của mình, biên phải hay diễn phải khéo tức là nhìn được từng bước đi và đến của các bến bờ vô định. Mở cho chính mình một cái nhìn dù chỉ là mơ ước, nhưng cuộc sống là thật, tự trở về với chính mình thể hiện được cuộc sống vẹn toàn là thật, tất cả là đối đầu với sự thật có của mình, bắt đầu ngay ở hiện tiền, dạy con nhiều lúc cũng nặng hơi mỗi cổ, nhọc lòng để đặt con lên cho được cuộc sống có hương hoa thơm thảo.

Có gì sung sướng cho bằng làm cha làm mẹ thấy được con mình được tài đức vẹn toàn, trong lịch sử nước nhà qua bài học CỒ LAU của ĐÌNH BỘ LÍNH, lúc còn trẻ thơ thường nặn đất sét thành hình con voi, đặt dưới chân voi này những con cua, bắt con bướm gắn lên làm tai voi, lớn lên bài trò chơi tập trận giả trong chung bạn. Qua cử chỉ, lời nói của sinh hoạt thường ngày có thể diễn đạt được chí khí con người, nên thoảng qua dù là những điệu bộ, tuồng tích đi nữa chắc hẳn cũng đã gói ghém bài học rằng người dạy đời, nuôi chí khí cao cả, đạo nghĩa DÂN TỘC, diệt gian trừ bạo, chí cả của con người. Tâm hồn người con cũng tự khám phá được trong con người mình cũng có chí tung hoành ngang dọc, biết yêu thương rung cảm với dòng đời. Ngọc kia chẳng dũa chẳng mài, cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi; cõi lòng trong sáng được gọi cảm cho nên với Hồn Thiêng Sông Núi Việt đã hun đúc nên được những con người, thời thế đã tạo nên những con người vì đại nghĩa thấp sang ngọn đuốc thiêng dân tộc nối tiếp ngàn đời của nền Tâm Thức Việt, một viên ngọc quý trong nền tâm thức của nhân loại, đáp ứng được nhu cầu tâm thức con người trong thời đại tin học toàn cầu hóa ngày nay, lấy tình thương và con người làm cứu cánh để tạo dựng một thời đại sống yên vui và hạnh phúc cho con người với đầy đủ tính người và tình người.

Nên chữ “coi” không phải là coi hát cho vui của thường tình, nó là một sự nhân mạnh của lòng khiêm nhường, một hứa hẹn cho ngày mai của tiến trình phấn đấu của bản thân, nó là những đọt sóng ngầm trong dòng tâm thức dân tộc, cuộn cuộn sôi sục trong bầu nhiệt huyết của người Việt chúng ta. Chứng minh của lịch sử cho thấy sức mạnh của bản sắc dân tộc đã kiên cường và bất khuất là dường bao, nhưng dân tộc vẫn luôn bị trắc trở vì còn có những hoàn cảnh lịch sử, những con người lịch sử chỉ mượn tiếng nói của Tâm thức dân tộc khi hiện tiền đòi hỏi, ngoài ra những con người lịch sử này đã đánh mất linh hồn dân tộc sống vất vưởng với thân Việt còn hồn thì u tối mê muội, chứa nhiều những nội trùng tư tưởng (những virus tư tưởng) làm tê liệt tâm thần tự biến thành những tên cuồng nô của ngoại bang, làm tội đồ của dân tộc, vì họ đã tự đánh mất chính đôi chân mình tự nguyện đứng trên đôi chân của ngoại bang nên đã làm mất cân đối tự nhiên khi phải bị lệ thuộc cái gì đó ngoài cái sẵn có của mình. Đây cũng là bài học tự lực, biết khám phá khơi dậy cái sẵn có nơi chính mình, trao dồi cái trong sáng trong chính mình để góp mặt vào dòng đời với đầy đủ các yếu tính của tình thương và trí tuệ.

Trải qua năm tháng với tri thức thực nghiệm người dân nông thôn đã biến những miền hoang dã, rừng sâu, núi thẳm thành những cánh đồng phì nhiêu, khu dân cư trù phú đã minh chứng nơi nào tâm tư con người được thoải mái thì nơi đó có sáng tạo, dân tình được hào

khoảng, thanh bình, lòng người tràn đầy yêu thương, hào hiệp. Nhìn lại khoảng không gian và thời gian 200 năm đầu của nền văn hóa miền nam ta mới thấy được dòng tâm thức sinh động này vừa sáng tạo cho phong phú vừa hồi sinh lại bản sắc ngàn xưa của dân tộc, giúp ta có thêm ý thức về những nỗi niềm tự hào của một dân tộc có nền giáo dục nhân bản tâm linh dựa vào sự cảm nhận, chuyển dịch những nguyên lý trong thiên nhiên và dụng nó vào đời sống thực tại qua:

Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà

Thích nghi, thích ứng được với thiên nhiên cõi lòng con người phải rộng mở, lấy thực tại làm thước đo chân lý qua cuộc sống thật với con người thật, người nào cảnh đó, thời nào thế ấy, con người luôn hoàn thiện và cầu tiên. Cái gì đã xảy ra là đã qua, không thể lập lại nguyên trạng được, cái gì sẽ tới là tới với một cái gì đó, người ta không ngăn, không bít, không chặn cái tự nhiên của sự vật mà người ta tự quay về với chính mình để tìm cách ứng phó hay hóa giải sự việc qua kinh nghiệm thực tiễn của mình và hiện tiền, để rồi người ta chia sẻ với nhau, dìu dắt nhau tạo thành mạch sống thích nghi của đất lè, quê thói. Đời con người có thể đi qua với khoảnh khắc thời gian, nhưng lòng người thì luôn trải dài theo năm tháng, thấy từng gốc cây, bến nước, lu nước uống bên đường... bằng tấm lòng rung động, hoài cảm thì ta mới thấy ta trong dòng sống được, để ôm lấy cái ngàn năm ấy vào cõi lòng và trân quý cuộc sống hiện tại. Thường tình người nông thôn mộc mạc thấy sao nói vậy, họ cũng chẳng tìm cầu, tinh tâm, vay mượn văn chương, thơ, phú, chữ nghĩa gì cả như gà đẻ gà cục tác; chó sủa chó không cần; điếc hay ngóng ngóng hay nói... được lập đi lập lại hằng ngày một cách xề xòa trúng ai người ấy hiểu rất là đại chúng, nói lên được các góc cạnh của trò đời hay nhân tình thế thái (đề cập ở dịp khác trong Tâm Thức Việt).

Quan sát, thực nghiệm nhiều lần để nhận ra cái trùng hợp và cái khác nhau của sự việc để đi đến chỗ tinh tường và minh bạch tránh được các khuyết điểm của thấy như vậy mà không phải như vậy (sai một li đi một dặm; mũi đại lái chịu đòn; con đại cái mang...) để cho ta thấy không có cái gì đi ngoài được tiêu chuẩn hay cái lý ban đầu, sự việc xảy ra không đơn độc mà có liên hệ tương tác của không gian và thời gian. Dùng hình ảnh thật để diễn tả cho một tiến trình thật, thật là hoàn hảo của nghệ thuật dân gian qua câu nói trên; nhìn bình thường nó là như vậy, người mẹ chính là người thầy đầu đời của con người hay dạy con hay đỡ dạy con đỡ, thương yêu nhiều quá nuông chiều không chừng mực thì chẳng khác gì; thương nhau mà lại hại nhau bằng mười. Nhưng đứng ở góc cạnh của thời gian khoảng thời gian thì lại khác, không có cái gì xảy ra trong một ngày, nó có thể chồng chất nhiều ngày như từ đứa trẻ lớn lên thành mẹ, là một đổi thời gian, rồi từ làm mẹ đến lúc lên làm bà cũng phải một thời gian. Ta nhìn từ người mẹ thì đứa con là sắp lớn, bà là nhìn lại phía sau, tương đối trong cái nhìn này đã hàm chứa quá khứ, hiện tiền và tương lai.

Còn nhìn về sự việc thì có gốc và ngọn, hay từ xa đến gần, người ta thường nói trị bịnh tận gốc là vậy, dùng tất cả nhạy cảm, sáng suốt nhìn cả hai chiều thuận và nghịch của vấn đề để điều chỉnh cho hợp tình hợp lý. Vấn đề ở đây là chúng ta tìm phương án giải quyết sự việc làm đầu chớ chúng ta không tìm cách qui trách sự việc; nên từ đó trong ý thức trách nhiệm chung, tinh thần liên đới người nông thôn Việt đã tạo dựng thành nếp sống quần cư hài hòa, tổ chức xã thôn tự trị độc đáo của nếp sống nông nghiệp. Nguồn cảm hứng của nền văn hóa này bắt nguồn từ sự chuyển dịch cái THỂ của các nguyên lý trong thiên nhiên tức là Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất và đem ứng dụng vào đời sống tức là xử dụng được cái DỤNG của các nguyên lý này. Cảm

nhận những biến dịch, tuần hoàn nơi thiên nhiên của dòng tâm thức sinh động Việt nằm trong ngay dòng sống, sống trọn vẹn với hiện tiền, không đặt tên, không đóng khung trong chữ nghĩa nên nó đã hóa giải được những dị biệt, ngăn cách của các ốc đảo tôn giáo, chủ nghĩa.... Dòng sống này đã vượt qua giai đoạn mò mẫm kinh điển, lý thuyết suông hay đi thuyết phục vì người Việt đã về đến tận cội nguồn của thiên nhiên tức là Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất, đã thể hiện các lý biến dịch của thiên nhiên trong dòng sống, biến suối nguồn yêu thương của đất trời thành tình thương của mình, đem tưới tắm vào dòng đời, gieo trồng hạt giống tình người: THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THỂ THƯƠNG THÂN, sống thuận lý theo thiên nhiên; UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN, thể hiện đạo lý làm người: THỜ CHA KÍNH MẸ ẤY LÀ ĐẠO CON.

Câu nói diễn tả hết được cái thực dụng của cuộc sống, gom hết cái lý cái lẽ của sự thanh thản trong lòng người là biết nhận chân được sự việc, ở đời không có cái gì tự nó là quan trọng hay vướng mắc, có hay không là do ở lòng người biết hay không biết để sống mà thôi.

Dòng sống luôn luôn sinh động, nhận thức được hiện tiền tức là hội nhập vào dòng sống để luôn luôn được tiến hóa, thăng hoa và hòa đồng giữa con người và thiên nhiên qua bài thơ:

*Ba cô đội gạo lên chùa,
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho Sư.
Sư về Sư ốm tương tư.
Ốm lãng ốm lóc cho Sư trọc đầu,
Ai làm cho dạ Sư sầu,
Cho tim Sư héo như bầu đứt dây.
Bầu đứt dây nấu canh còn ngọt,
Dạ Sư sầu sao trọn đường Tu.*

Chúng ta khoan nói về những chuyên môn của giáo pháp hay tu tập gì cả, ở đây sinh động là dòng sống, ba cô ở đang trong dòng sống hồn nhiên đội gạo lên chùa, nhân duyên và hệ lụy được diễn đạt không hơn không kém ở hai câu mở đầu, kế tiếp hai câu sau chỉ rõ sự tách rời ngoài dòng sống. Sư không được hồn nhiên vì đang mãi mê buông bỏ những hệ lụy của muôn đời muôn kiếp của quan hệ tương quan nhân quả tìm về chốn hư vô theo những hạn định của kinh điển, tạng, luận, luật...v...v...có lẽ đôi khi cũng đánh mất mình trong cuộc sống của gia đình, xã hội, quốc gia và dân tộc tình nguyện làm con Phật hầu định cư ở quê hương Niết Bàn. Nhưng với ý thức nhận biết sự việc của kẻ bàng quang thế tục còn đủ cảm quan để nhận biết cái hiện tại của cuộc sống thấy như thật thấy:

Ai làm cho dạ Sư sầu.

Nhận biết quan sát so sánh khi quay về với chính mình để nhìn cảnh vật nơi trái bầu bị đứt khỏi dây và tình huống của Sư khi đã tách rời ra khỏi dòng sống. Sống là còn nắm biết đủ cái hương vị của cuộc đời, cho nên bầu dậu có đứt khỏi dây nhưng bầu vẫn là trái bầu, nấu canh vẫn còn ngọt. Còn Sư sống mà lòng dạ không còn sinh động hồn nhiên (sầu) thì có Tu cũng như không.

Trở về với bản sắc dân tộc, với hồn dân tộc dòng sống sinh động cuu mang cuộc sống với đầy đủ hương vị của nó, nhận chân được hiện tiền thì đã có đầy đủ cảm hứng để chuyển dịch

Thiên Thư Vô Ngôn vào dòng sông với suối nguồn yêu thương bất tận của thiên nhiên, lúc đó con người hòa đồng được với thiên nhiên, sống thuận lý theo thiên nhiên đó là đạo sống thực ngay trong đời sống, chớ nó không nằm trong kinh điển dùng để thuyết phục hay dùng kinh điển, giáo này đạo kia để nương nhờ gói gắm lòng sợ hãi bất an nơi trần đời.

Hãy trở về với bản sắc dân tộc, tức là về nguồn, mở ra cánh cửa ÂM - Dương vận hành trời đất nhìn cho ra cái Lý và cái Lễ của nó hay nói cách khác là tìm cho ra được cái THỂ và cái DỤNG của sự vật.

*Trên trời có đám mây xanh,
Giữa đám mây trắng, chung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng,
Anh đi mua gạch Bát tràng về xây,
Xây dọc rồi lại xây ngang.
Xây hồ bán nguyệt, cho Nàng rửa chân.
Có rửa thì rửa chân tay,
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh.*

Một dân tộc đã mở được cánh cửa Thiên Nhiên, nơi suối nguồn yêu thương của sự sống. Khởi đi từ nền văn hóa nông nghiệp tổ tiên người Việt đã sớm nhìn ra được cái lẽ vô thường, cái biến dịch tự nhiên trong trời đất qua sự sanh sôi nảy nở của các loài thảo mộc, tính tự nhiên của mỗi loài, tương tác của các loài các vật, khi tự quay về với chính mình đã nhận chân được các yếu tính của tâm linh và các yếu tính của nước là tương đồng là một. Tất cả những nhận chân nơi hiện tiền của cuộc sống, kết đọng qua năm tháng được diễn dịch qua ngôn ngữ và nếp sống như sau.

Hòa cùng thiên nhiên, người Việt coi Trời là Dương, Đất là Âm; trời che đất chở; gọi trời là Cha gọi đất là Mẹ. Đất nuôi dưỡng, Trời là (hư vô) nơi tàng chứa, cội nguồn của vạn biến, nên trong nhân gian có câu.

*Sống gọi (trên mặt đất).
Thác về (hư không, trống rỗng).*

Ý niệm đó đi từ quan sát về nước; nước là nguồn gốc sản sanh ra sự sống, nước hiện hữu khắp chốn trên trời dưới đất, nước luôn luôn biến hóa, thăng hoa và hòa đồng theo duyên hợp; nước không chối từ, nhưng khi chống nước là một sức mạnh vô song. Cho nên người Việt gọi quê hương mình là ĐẤT NƯỚC tức là có sự sống và luôn luôn thăng hoa cuộc sống. Đồng thời cũng gọi quê hương mình là ĐẤT MẸ.

Chuyển dịch Thiên thư vô ngôn vào cuộc sống, nó là một trong những xác định sự hiện hữu của:

*Nam quốc sơn hà nam Đế cư,
Tuyệt nhiên định phận tại THIÊN THU.*

Vì nơi hai câu đầu đã nói về sự tuần hoàn của vũ trụ, của sự sống: trong, ngoài, trên, dưới; xanh (nước), trắng(không khí, hư không), vàng (đất, cũng đồng thời chỉ về phương hướng đó là phương NAM)

Đã về được cội nguồn Âm Dương của thiên nhiên nên người Việt đã khơi được suối nguồn tình thương vô tận của trời đất, tưới tắm vào dòng đời nên lòng người đã sớm ý thức và gây dựng được nhân sinh quan TỰ DO và BÌNH ĐẲNG, liên hệ giữa con người được nối kết bằng tình yêu thương hồn nhiên và trong sáng; ở đây trong phạm vi của bài thơ nó là dẫn chứng trung thực của sự kết hợp tự nhiên của âm dương, tức là cái này cần có cái kia hay ngược lại không thể có sự loại trừ (như của các tu sĩ độc thân) để tự nó có sự cân bằng trong cuộc sống. Cũng như vậy trong tình yêu thương cá thể, trai gái được tự do trong hôn nhân, tạo sự sống có tình có nghĩa, kết hợp những cảm hứng, chọn lựa trong sáng nơi mỗi con người chứ không bị chi phối hay áp đặt bởi những định kiến gọi là khuôn vàng thước ngọc, trọng nam khinh nữ, coi hôn nhân như là một sự chiếm đoạt, còn phía còn lại phải chấp nhận trung thành.

Đời sống là một chuỗi những sự kiện cương nhu uyển chuyển, đức tính cương cừ (trai) và nhu thuận (gái) của cha khôn mẹ khéo; đàn ông là cột trụ (gia đình), đàn bà như giây leo. Cột trụ có vững chắc thì dây leo mới không nghiêng ngã:

Của chồng công vợ. (sẽ chi tiết ở một dịp khác)

Ca dao&tục ngữ.

Tình thương của trai gái sẽ có tình thương của gia đình con cái kế tiếp; yêu thương gia tộc, yêu thương làng xóm, yêu nước thương nòi...

Cây có cội nước có nguồn.

Ca dao&tục ngữ.

Lòng yêu nước thương nòi đó trở thành lòng ái quốc nhân quần,hiên ngang, dọc ngang trong cái lẽ Âm Dương của trời đất mượn cái hình ảnh của hồ bán nguyệt (kết hợp của đường thẳng là âm và của đường cong là dương). Cái hồ bán nguyệt này cũng mượn để chỉ cái tinh hoa của văn hóa ăn thịt người, cái văn hóa phong kiến du mục Tàu, đã phủ lên bản sắc dân tộc Việt qua ngàn năm đô hộ nó cũng chỉ xứng đáng để được đặt dưới gót chân người đàn bà VIỆT mà thôi. Đồng thời cũng là một cảnh tỉnh, nhắc nhở cùng nhau về nguồn:

Gia trung hữu bảo.

Vua Trần Nhân Tôn.

hãy gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc lấy tình thương làm đầu, lấy con người làm gốc CHỚ NÉN BAO GIỜ, mắt gốc lai căng chạy vạy:

Ruột bỏ ra da bỏ vào.

Ca dao&tục ngữ.

Trên đường đi, ngay trên hiện tiền ta cũng có những khoảnh khắc lắng nghe kẻ đồng hành, người cùng nòi giống, rồi dùng tâm thức dân tộc với tâm Việt và hồn Việt để chia sẻ những bi hùng của thời đại:

*1000 năm nô lệ giặc Tàu.
100 năm đô hộ giặc Tây*

Nói cho cùng với tai trời ách nước cho cả loài người chúng ta ắt phải cần có con người có thiên tài để gánh vác, hay với những Quốc nạn và Dân tộc nạn đất nước luôn sản sinh ra những anh hùng hay nhân tài của thời thế. Muốn như vậy chúng ta phải về với bản sắc dân tộc chúng ta, vì bản sắc dân tộc còn thì đất nước mới trường tồn.

*Nam quốc sơn hà Nam Đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư.*

LÝ THƯỜNG KIẾT.

*Võ Thành
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org*